

Bản án số: 415/2023/HC-PT

Ngày: 21/12/2023

V/v: “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông **Trương Công Thi**

*Các Thẩm phán:* ông **Phạm Văn Hợp**

Ông **Phạm Ngọc Thái**

**- Thư ký phiên tòa:** bà **Nguyễn Phương Mai**, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** bà **Bùi Ngô Ý Nhi** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 203/2023/TLPT-HC ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc: “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 97/2023/HC-ST ngày 06/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 403/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

**Người khởi kiện:** Ông Mai Văn N; địa chỉ: Số A đường N, tổ dân phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân B - Có mặt (theo văn bản ủy quyền ngày 18/01/2023). Địa chỉ: Tổ dân phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố B - Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.(theo văn bản ủy quyền ngày 15/02/2023).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố B: Ông Phạm Văn N1 - Trưởng phòng Kỹ thuật, giải phóng mặt bằng Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Trương Thị L; Địa chỉ: Số A đường N, tổ dân phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân B; có mặt.

2. Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn N1 - Trưởng phòng kỹ thuật - Bồi thường, giải phóng mặt bằng, thuộc Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Trong đơn khởi kiện ngày 09/01/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/4/2023 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là ông Mai Văn N trình bày: Ngày 27/9/2009, con trai của ông là Mai Tiến H ký hợp đồng kinh tế với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C (*sau đây gọi tắt là Công ty C*), nhận khoán diện tích đất 6.266m<sup>2</sup> của Công ty, để trồng cây Cà phê, thuộc thửa đất số 53 (*nay là thửa đất số 89*), tờ bản đồ số 07 tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Do con của ông làm ăn ở xa, không thể chăm sóc vườn cây Cà phê được, nên ngày 31/10/2012, ông đại diện cho hộ gia đình ký kết hợp đồng kinh tế số: 95Đ1/2012/HĐ với Công ty C, nhận khoán diện tích đất nêu trên; Thời gian nhận khoán đất từ ngày 31/10/2012 đến ngày 31/12/2020.

Ngày 04/01/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số: 07/QĐ-UBND thu hồi 5.138.059m<sup>2</sup> đất của Công ty C, giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk và UBND thành phố buôn M quản lý, sử dụng đất; trong đó có thửa đất số 89 của gia đình ông đã bị thu hồi; Ngày 29/12/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số:10635/QĐ-UBND về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc phường T, thành phố B; Gia đình ông được bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền trên diện tích đất bị thu hồi. Tuy nhiên, gia đình ông chưa được bồi thường chi phí đầu tư còn lại vào đất; Tài sản là nhà ở và vật kiến trúc của gia đình ông trên diện tích đất bị thu hồi được xây dựng vào năm 2003 nhưng UBND thành phố B áp giá xây dựng năm 2015 để bồi thường là không đúng; chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông; gia đình ông chưa được hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm, được pháp luật quy định tại điểm b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013,

Điều 20 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, khoản 1 Điều 18 Quyết định số:14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ; chưa được hỗ trợ cây trồng vượt mật độ, cây trồng xen canh, được quy định tại khoản 5 Điều 18 Quyết định số:14/2022/QĐ-UBND; chưa được hỗ trợ khác, được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 83 Luật đất đai năm 2013, Điều 25 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP, khoản 3 Điều 20 Quyết định số: 14/2022/QĐ-UBND.

Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy một phần Quyết định số: 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND thành phố B về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc phường T, thành phố B; Buộc UBND thành phố B phải ban hành Quyết định phê duyệt bổ sung: Bồi thường cho gia đình ông chi phí đầu tư vào đất còn lại; bồi thường về nhà ở và vật kiến trúc trên diện tích đất bị thu hồi, theo giá xây dựng năm 2003; hỗ trợ cho gia đình ông về đào tạo nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ cây trồng vượt mật độ, cây trồng xen canh; tiền lãi suất chậm chi trả tiền bồi thường và hỗ trợ khác. Ngày 10/4/2023, ông rút yêu cầu khởi kiện về hỗ trợ khác.

2. Quá trình tham giải quyết vụ án, người bị kiện là UBND thành phố B trình bày: Ông Mai Văn N sử dụng thửa đất số 89, tờ bản đồ số 7, diện tích 6.271,6m<sup>2</sup> tại tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có nguồn gốc là đất nhận khoán của Công ty C (theo hợp đồng số: 95Đ1/2012/HĐ ngày 31/10/2012 ); Ngày 04/01/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số: 07/QĐ-UBND thu hồi 5.138.059m<sup>2</sup> đất của Công ty C, trong đó có thửa đất số 89 ông N nhận khoán.

Ngày 29/12/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số:10635/QĐ-UBND về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc phường T, thành phố B; Trong đó hộ gia đình ông Mai Văn N được bồi thường, hỗ trợ 2.271.436.243 đồng. Việc ông N khởi kiện yêu cầu được bồi thường chi phí đầu tư còn lại vào đất, là không có căn cứ. Vì thời hạn thực hiện hợp đồng giao khoán quyền sử dụng đất từ ngày 31/10/2012 đến ngày 31/12/2020; Tại thời điểm UBND thành phố B ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, thì hợp đồng đã hết hạn, nên không có cơ sở để bồi thường chi phí đầu tư còn lại vào đất. Việc ông N khởi kiện yêu cầu bồi thường nhà ở và vật kiến trúc trên diện tích đất bị thu hồi, theo giá xây dựng năm 2003 là không có căn cứ. Vì năm 2012, ông N mới nhận khoán diện tích đất nêu trên; UBND thành phố B, xác định ông N xây dựng nhà ở và vật kiến trúc trên thửa đất bị thu hồi vào năm 2015, là có căn cứ. Việc ông N khởi kiện yêu cầu được hỗ trợ cây trồng vượt mật độ, cây trồng xen canh, là không có căn cứ để xem xét giải quyết; Việc ông N khởi kiện yêu cầu UBND thành phố B phải thanh toán khoản tiền lãi suất do chậm chi trả tiền bồi thường, là không có căn cứ. Bởi lẽ, ngày 29/12/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 10635/QĐ-UBND về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông N, đến ngày 18/01/2023, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk phối hợp với UBND phường T chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông N là đúng với

quy định của pháp luật; Đối với các khoản hỗ trợ khác cho gia đình ông N, Quyết định số: 10635/QĐ-UBND của UBND thành phố B đã hỗ trợ đầy đủ theo quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện của ông N.

3. Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk trình bày: Gia đình ông Mai Văn N sử dụng thửa đất số 89, tờ bản đồ số 7, diện tích 6.271,6m<sup>2</sup> tại tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có nguồn gốc là đất nhận khoán của Công ty C, đúng như UBND thành phố B đã trình bày; Thửa đất nêu trên đã được thu hồi theo Quyết định số: 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đ; Quyết định số: 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND thành phố B về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông N là đầy đủ theo quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện của ông N.

4. Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị L trình bày: Bà là vợ ông Mai Văn N, bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông N.

***Từ những nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 97/2023/HC-ST ngày 06/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

*Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính; khoản 1 Điều 18, khoản 5 Điều 20 Quyết định số: 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ; Hợp đồng thuê khoán quyền sử dụng đất số: 95Đ1/2012/HĐ được ký kết ngày 31/10/2012 giữa Công ty TNHH MTV C, đối với thửa đất số 53, tờ bản đồ số 07 (nay là thửa đất số 89, tờ bản đồ số 7) tại Tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.*

***Tuyên xử:***

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn N.

1. Tuyên hủy một phần Quyết định số: 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND thành phố B; Buộc UBND thành phố B phải ban hành Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ cho gia đình ông Mai Văn N đối với khoản tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ cây trồng vượt mật độ 100% trên diện tích đất bị thu hồi theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn N về việc: Hủy một phần Quyết định số: 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND thành phố B và buộc UBND thành phố B phải ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường bổ sung cho gia đình ông về chi phí đầu tư vào đất còn lại; bồi thường về nhà ở và vật kiến trúc trên diện tích đất bị thu hồi theo giá xây dựng năm 2003; tiền lãi suất chậm chi trả tiền bồi thường.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 173 Luật tổ tụng Hành chính: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn N về việc buộc UBND thành phố B phải ban hành Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ bổ sung cho gia đình ông về khoản tiền hỗ trợ khác, khi nhà nước thu hồi đất.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/7/2023 UBND thành phố B kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo UBND thành phố B cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn N là không đúng pháp luật, bởi lẽ, hộ ông N đã được hỗ trợ khác theo khoản 3, Điều 20, Quyết định 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ, khoản hỗ trợ này thực chất là hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm được quy định tại Khoản 6, Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP và Điều 18, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, số tiền hỗ trợ là 1.201.232.000 đồng, việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông N theo Điều 18, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND thì hộ ông N được hỗ trợ gấp 04 lần, vượt 02 lần nên không phù hợp thực tế và bất cập.

Thứ hai, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận nội dung hỗ trợ cây trồng vượt mật độ 100% theo khoản 5, Điều 20, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND là không có cơ sở thực hiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của UBND thành phố B xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của UBND thành phố B, giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xem xét kháng cáo UBND thành phố B, xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng về đối tượng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

- Đơn kháng cáo UBND thành phố B là hợp lệ và trong thời hạn luật định, do vậy Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm đối với vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng: Thửa đất số 89, tờ bản đồ số 7, diện tích 6.271,6m<sup>2</sup> tại Tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, thuộc quyền sử dụng đất của Công ty C; Ngày 30/10/2012, Công ty ký hợp đồng với ông N là hộ lao động, cho ông N thuê khoán diện tích đất nêu trên để trồng cây cà phê; Thời hạn thực hiện hợp đồng từ ngày 31/10/2012 đến ngày 31/12/2020. Ngày 04/01/2017, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số: 07/QĐ-UBND thu hồi 5.138.059,7m<sup>2</sup> đất của Công ty C, giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk và UBND thành phố B quản lý, sử dụng, trong đó có thửa

đất số 89, gia đình ông N đang sử dụng, ngày 29/12/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 10635/QĐ-UBND, bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông N cây trồng và tài sản khác gắn liền trên diện tích đất bị thu hồi, với tổng số tiền 2.271.436.243 đồng; không đồng ý một số nội dung, ông N khởi kiện áp giá xây dựng, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, thanh toán cho gia đình ông khoản tiền lãi suất do chậm chi trả tiền bồi thường và buộc UBND thành phố B phải ban hành Quyết định phê duyệt bổ sung, Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ và bác yêu cầu khởi kiện. Riêng đối với yêu cầu khởi kiện về khoản tiền hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ cây trồng trên đất vượt mật độ, đã được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên đã hủy một phần Quyết định số: 10635/QĐ-UBND, buộc UBND thành phố B ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ về hai khoản nói trên cho gia đình ông N, sau khi xét xử sơ thẩm, UBND thành phố B kháng cáo đối với quyết định của Bản án sơ thẩm về việc hủy một phần Quyết định số: 10635/QĐ-UBND để buộc UBND thành phố B bổ sung các nội dung về hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ cây trồng trên đất vượt mật độ cho hộ ông N.

[2.2]. Xem xét kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm về khoản tiền hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ cây trồng trên đất vượt mật độ của UBND thành phố B, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[2.1.1]. Sau khi có Luật đất đai năm 2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 47//2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 để hướng dẫn thi hành Luật đất đai, đến của Chính phủ, đến ngày 06 tháng 01 năm 2017 có Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 47//2014/NĐ-CP. Tại các Điều 19; Điều 20 Nghị định số 47//2014/NĐ-CP cũng như tại khoản 5 và khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ đều có quy định các khoản “*Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất*” và “*Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm*” là hai khoản hỗ trợ khác nhau, quy định rõ về các điều kiện, đối tượng, trường hợp được xem xét hỗ trợ, đồng thời đều giao cho UBND các tỉnh quyết định mức hỗ trợ khác. Tại Quyết định số: 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ cũng đã quy định rõ về hai khoản hỗ trợ nói trên. Hộ ông N bị thu hồi đất theo Điều 83 Luật đất đai, thuộc đối tượng vừa được “*Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất*” và “*Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm*”, căn cứ các quy định nêu trên, xét thấy, UBND thành phố B kháng cáo cho rằng hai khoản hỗ trợ nói trên thực chất là một là không đúng.

[2.1.2]. Quy định của pháp luật liên quan đến hỗ trợ đối với cây trồng trên đất bị thu hồi vượt mật độ 100%, xét thấy, tại thời điểm bồi thường, UBND thành phố B áp dụng Quyết định số:10/2020/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh Đ, tại khoản 3 Điều 4 Quyết định số:10/2020/QĐ-UBND nêu trên quy định đối với cây trồng trên đất bị thu hồi vượt mật độ 100% thì không được bồi thường, tuy nhiên không quy định về hỗ trợ, nhưng theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Quyết định số:14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ

cây trồng trên đất bị thu hồi vượt mật độ 100% thì được được hỗ trợ, tham khảo Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Đ (chưa ban hành vào thời điểm thực hiện bồi thường), về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định 10/2020/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh về việc quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thì quy định có quy định hỗ trợ đối với cây trồng vượt mật độ như sau: “a) Trường hợp vườn cây có trồng xen canh nhiều loại cây, thì tính giá trị bồi thường cây trồng chính theo đúng mật độ quy định (cây trồng chính là loại cây trồng có giá trị bồi thường cao nhất hoặc cây có giá trị kinh tế cao), các loại cây trồng xen và cây trồng chính vượt mật độ được tính hỗ trợ 80% giá trị cây trồng cùng chủng loại, cây trồng tương đương. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ của cây trồng xen và cây trồng chính vượt mật độ không được vượt quá 60% giá trị bồi thường cây trồng chính đúng mật độ”. Như vậy, tại thời điểm thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ chưa có quy định rõ về “hỗ trợ của cây trồng xen và cây trồng chính vượt mật độ”, tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, theo quy định mới thì cây trồng vượt mật độ vẫn được bồi thường, hỗ trợ theo các quyết định nêu trên. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N là có cơ sở.

[2.3]. Xem xét nội dung Quyết định số: 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND thành phố B về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc phường T, thành phố B (đợt 2 và đợt 3) (phần bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông N, bút lục 58 đến 68) chưa có các khoản hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ cây trồng trên đất vượt mật độ.

Từ các căn cứ pháp luật đã trích dẫn nêu trên cho thấy “Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất” và “Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm” là hai khoản hỗ trợ khác nhau, hộ gia đình ông N sử dụng thửa đất số 89 là đất nhận khoán và sử dụng đất vào mục đích nông nghiệp; vợ chồng ông N có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên thửa đất số 89, là đối tượng được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, nên hộ gia đình ông N được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định của pháp luật. UBND thành phố B kháng cáo cho rằng hai khoản hỗ trợ trên thực chất là một, và cây trồng vượt mật độ không được hỗ trợ là không đúng quy định của pháp luật, việc hỗ trợ về cây trồng vượt mật độ cần phải áp dụng các quy định có lợi cho người bị thu hồi đất.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy, tại Bản án sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông N là có căn cứ pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác toàn bộ kháng cáo của UBND thành phố B, giữ nguyên phần Quyết định của Bản án án hành chính sơ thẩm.

Do bác kháng cáo nên UBND thành phố B phải chịu án phí phúc thẩm.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện; bác một số yêu cầu khởi kiện; án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1, Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác toàn bộ kháng cáo của UBND thành phố B, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 97/2023/HC-ST ngày 06/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng Điều 65, Điều 83 Luật đất đai năm 2013; Điều 19, Điều 20 và Điều 25 Nghị định số 47//2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Khoản 5, 6, Điều 4 Nghị định số 01/2017/ NĐ- CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ Điều 17, Điều 18, khoản 5 Điều 20 Quyết định số:14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn N.

1. Hủy một phần Quyết định số: 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND thành phố B; Buộc UBND thành phố B phải ban hành Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ cho gia đình ông Mai Văn N đối với khoản tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ cây trồng vượt mật độ 100% trên diện tích đất bị thu hồi theo quy định của pháp luật.

2. Đối với các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện đã rút và bác yêu cầu khởi kiện ông Mai Văn N, không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết vthowfi hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Áp dụng Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, UBND thành phố B phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0003795 ngày 09/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Trương Công Thi**